

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NINH BÌNH Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST Ngày: 17-9-2025 <i>V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.</i>	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
--	---

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái; ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Phạm Thị H](#), sinh năm 1990.

Địa chỉ: [Thôn F, xã P, tỉnh Ninh Bình](#).

- Bị đơn: Anh [Bùi Văn T](#) sinh năm 1988

Địa chỉ: [Thôn F, xã P, tỉnh Ninh Bình](#).

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị [Phạm Thị H](#) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh [Bùi Văn T](#) kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) [xã P](#), sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại [Thôn F, xã P](#). Tôi xác định vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp, anh [T](#) đi uống rượu về thường chửi bới tôi. Hiện tại tôi cùng ba con đã ra ngoài thuê nhà ở, chúng tôi ly thân một thời gian dài. Nay tôi thấy không còn tình cảm với anh [T](#), mâu thuẫn trầm trọng, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh [Bùi Văn T](#).

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là các cháu: [Bùi Thị Thanh T1](#) sinh ngày 16/10/2012; [Bùi Thị Thu H1](#), sinh ngày 26/7/2015; [Bùi Hải Đ](#) sinh ngày 18/6/2024. Hiện cả ba cháu đang ở với tôi, tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi

cả ba cháu và yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000^d/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh [Bùi Văn T](#) thể hiện tại bản tự khai ngày 26/8/2025: Tôi xác định thời điểm kết hôn và chung sống như cô [H](#) trình bày là đúng, tôi xác định vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 10 năm, sau đó cô [H](#) tự ý cùng ba con ra thuê nhà ở nơi khác mà không nói lý do. Thực tế chúng tôi ly thân hơn 1 năm nay, nay cô [H](#) xin ly hôn thì tôi hoàn toàn nhất trí. Về con chung: Tôi xác định tôi và cô [H](#) có 03 con chung là các cháu: [Bùi Thị Thanh T1](#) sinh ngày 16/10/2012; [Bùi Thị Thu H1](#), sinh ngày 26/7/2015; [Bùi Hải Đ](#) sinh ngày 18/6/2024, hiện cả ba cháu đang ở với cô [H](#), tôi đồng ý cho cô [H](#) được tiếp tục nuôi cả ba cháu, tuy nhiên tôi không đồng ý cấp dưỡng vì cô [H](#) tự ý dẫn con bỏ nhà đi. Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh [T](#) xin được vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa vì điều kiện công việc anh không xin nghỉ được.

Ý kiến của cháu [T1](#), Huế, [Đ](#): Xin được tiếp tục ở với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên anh [T](#) không đến tham gia các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị [Phạm Thị H](#) vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là xin ly hôn với anh [Bùi Văn T](#), về con chung: chị xin tiếp tục nuôi các cháu [Bùi Thị Thanh T1](#) sinh ngày 16/10/2012; [Bùi Thị Thu H1](#), sinh ngày 26/7/2015; [Bùi Hải Đ](#) sinh ngày 18/6/2024 và yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000^d/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại [xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình](#) nay là [xã P, tỉnh Ninh Bình](#) nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí.

Đề nghị xử:

1. Xử lý hôn giữa chị [Phạm Thị H](#) và anh [Bùi Văn T](#).

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu [Bùi Thị Thanh T1](#) sinh ngày 16/10/2012; [Bùi Thị Thu H1](#), sinh ngày 26/7/2015; [Bùi Hải Đ](#) sinh ngày 18/6/2024, cho chị [Phạm Thị H](#) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được cuộc sống.

Anh [Bùi Văn T](#) phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [Phạm Thị H](#) mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cả ba cháu đủ 18 tuổi.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Nguyên đơn Chị [Phạm Thị H](#) phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị [H](#) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Ninh Bình. Anh [Bùi Văn T](#) phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại [xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là xã P, tỉnh Ninh Bình](#) nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị [H](#) và anh [T](#) là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị [H](#) với anh [T](#) là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị [H](#) và anh [T](#) có 03 con chung là các cháu: [Bùi Thị Thanh T1](#) sinh ngày 16/10/2012, [Bùi Thị Thu H1](#), sinh ngày 26/7/2015, [Bùi Hải Đ](#) sinh ngày 18/6/2024, hiện cả ba cháu đều đang ở với chị [H](#). Chị [H](#) có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả ba cháu sau khi ly hôn với anh [T](#). Hội đồng xét xử xét thấy, chị [H](#) khỏe mạnh có thu nhập, các con chị cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Anh [T](#) cũng đồng ý cho chị [H](#) được tiếp tục nuôi cả ba cháu. Vì vậy việc giao cả ba con chung cho chị [H](#) tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định cũng như quyền và lợi ích cho các cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị [H](#) yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000^d/tháng. Anh [S](#) không đồng ý cấp dưỡng cho con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng mức cấp dưỡng chị [H](#) đưa ra là phù hợp với thực tế nhu cầu chăm sóc cho cuộc sống của các cháu và phù hợp quy định của pháp luật, anh [T](#) đi làm công nhân có thu nhập vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị [H](#).

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị [Phạm Thị H](#) phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh [Bùi Văn T](#) phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị [Phạm Thị H](#) ly hôn với anh [Bùi Văn T](#).

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu [Bùi Thị Thanh T1](#) sinh ngày 16/10/2012; [Bùi Thị Thu H1](#), sinh ngày 26/7/2015; [Bùi Hải Đ](#) sinh ngày 18/6/2024 (hiện đang ở với chị [H](#)) cho chị [H](#) tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh [Bùi Văn T](#) phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [Phạm Thị H](#) mỗi cháu là 1.000.000^d/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị [H](#) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh [T](#) không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của bản án thì hàng tháng anh [T](#) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị [Phạm Thị H](#) phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị [H](#) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001098 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Ninh Bình.

3.2. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh [Bùi Văn T](#) phải chịu 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 3- Ninh Bình;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Phú Long
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Quỳnh